

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG HOÀNG SA- DỐC SỎI, (ĐOẠN QUA BÌNH TÂN PHÚ (CŨ)- ĐỢT 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Đông Sơn)

Họ và tên: Ông Trần Minh bà Lê Thị Chung

Địa chỉ: xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

CCCD số 05106605523

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BD	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/ Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT, HT (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
A	ĐẤT ĐAI (I+II)								128.121.750	Đất khai hoang năm 1980
I	Bồi thường đất nông nghiệp								28.471.500	
	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	519	1	538	538	m2	100	37.000	19.906.000	
1	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	4082	1	755	231,50	m2	100	37.000	8.565.500	
II	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp								99.650.250	
	Hỗ trợ chuyên đôi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	519	1	538	538	m2	100	129.500	69.671.000	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	4082	1	755	231,50	m2	100	129.500	29.979.250	
B	CÂY CỐI HOA MÀU								72.664.000	
	Phần bồi thường cây cối hoa màu									
1	Keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm	1082	1	231,5	43,00	cây	100	180.000	7.740.000	
	Keo - Cây có đường kính gốc >16cm đến <= 20cm				61,00	cây	100	232.000	14.152.000	
	Keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm	519	1	538	87,00	cây	100	180.000	15.660.000	
2	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm				91,00	cây	100	136.000	12.376.000	
3	Keo - Cây có đường kính gốc >16cm đến <= 20c				98,00	cây	100	232.000	22.736.000	
TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ HỖ TRỢ (A+B)									200.785.750	

Bằng chữ: Hai trăm triệu, bảy trăm tám lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng

